

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 5 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình  
Xử lý điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường,  
công trình thoát nước và bổ sung hệ thống an toàn giao thông trên ĐT.108**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 tháng 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kế hoạch bảo trì hệ thống đường tỉnh năm 2023;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1520/TTr-SGTVT ngày 24/5/2023 và Kết quả thẩm định số 1508/KQTD-SGTVT ngày 23/5/2023.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình với những nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên dự án:** Xử lý điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông Km8+050-Km8+650, Km9+700-Km10+300 (Thuận Châu - Mường Bám); Km5+200-Km5+400 (Co Mạ - Bó Sinh); sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, công trình thoát nước Km7+00- Km10+400 (Thuận Châu - Mường Bám), Km0+00-Km4+00 (Co Mạ - Bó Sinh) và bổ sung hệ thống an toàn giao thông trên ĐT.108.

**2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

### 3. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải.

### 4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng

4.1. Mục tiêu: Đảm bảo an toàn giao thông, cải thiện và nâng cao khả năng khai thác công trình.

4.2. Quy mô: Theo hiện trạng tuyến đường đang khai thác.

4.3. Giải pháp sửa chữa chủ yếu

a) *Xử lý điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông Km8+050-Km8+650, Km9+700-Km10+300 (Thuận Châu-Mường Bám), L=1.181,16m; Km5+200-Km5+400 (Co Mạ-Bó Sinh), L= 212,67m.*

- Cải tạo, mở rộng gia cố lề (đoạn Km8+050-Km8+650, Km9+700-Km10+300 (Thuận Châu-Mường Bám), L=1.181,16m); cải tạo tăng bán kính đường cong nằm (đoạn Km5+200-Km5+400 (Co Mạ-Bó Sinh)), kết cấu: Mặt đá dăm láng nhựa láng nhựa 3 lớp, dày 3,5cm (TCN 4,5kg/m<sup>2</sup>)/ móng đá dăm nước dày 30cm (lớp trên dày 15cm, lớp dưới dày 15cm)/ khuôn đường đầm chặt K<sub>≥</sub>0,98; lề đường tiếp giáp rãnh dọc gia cố bằng bê tông xi măng (BTXM) M250 dày 20cm để đảm bảo khả năng thoát nước.

- Đối với các đoạn mặt đường cũ:

+ Rạn nứt, lún võng, bong bật: Vệ sinh, tạo nhám bù vênh, tăng cường lớp móng đá dăm nước dày 10cm, trên láng nhựa 3 lớp, dày 3,5cm (TCN 4,5kg/m<sup>2</sup>);

+ Cao su cục bộ: Đào bóc lớp kết cấu cũ hư hỏng dày trung bình (24-30)cm, đào thay đất yếu dày trung bình (15-21)cm, hoàn trả kết cấu mặt đường từ trên xuống: Láng nhựa 3 lớp, dày 3,5cm (TCN 4,5kg/m<sup>2</sup>)/ móng đá dăm nước dày 30cm (lớp trên dày 15cm, lớp dưới dày 15cm)/ khuôn đường đầm chặt K<sub>≥</sub>0,98.

- Sửa chữa, gia cố rãnh dọc hình thang kích thước (40x40x120)cm và (60x40x120)cm, kết cấu BTXM M200.

- Công thoát nước ngang: Tận dụng cạp nôi, sửa chữa, hồ tụ, sân công, nâng tường đầu,... bằng BTXM M200 phù hợp cao độ mặt đường sau sửa chữa.

b) *Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, công trình thoát nước đoạn Km7+00-Km10+400 (Thuận Châu-Mường Bám) và đoạn Km0+00-Km4+00 (Co Mạ-Bó Sinh)*

- Sửa chữa mặt đường:

+ Rạn nứt, lún võng, bong bật: Vệ sinh, tạo nhám bù vênh, tăng cường lớp móng đá dăm nước dày 10cm, trên láng nhựa 3 lớp, dày 3,5cm (TCN 4,5kg/m<sup>2</sup>);

+ Bong bật lớp móng mặt: Vệ sinh, bù vênh, tăng cường lớp móng đá dăm nước dày 25cm (lớp trên dày 10cm, lớp dưới dày 15cm), trên láng nhựa 3 lớp, dày 3,5cm (TCN 4,5kg/m<sup>2</sup>);

+ Bong bật lớp móng mặt cục bộ: Đào bỏ kết cấu móng, mặt đường cũ bị hư hỏng, lu khuôn đường đảm bảo độ chặt K <sub>≥</sub> 0,98; hoàn trả bằng kết cấu mặt đường từ dưới lên như sau: Lớp móng đá dăm nước dày 25cm (lớp trên dày 10cm, lớp dưới dày 15cm), trên láng nhựa 03 lớp, dày 3,5cm (TCN 4,5kg/m<sup>2</sup>).

+ Cao su cục bộ: Đào bóc lớp kết cấu cũ hư hỏng dày trung bình (24-30)cm, đào thay đất yếu dày trung bình (15-21)cm, hoàn trả kết cấu mặt đường từ trên xuống: Láng nhựa 3 lớp, dày 3,5cm ( $TCN 4,5kg/m^2$ )/ móng đá dăm nước dày 30cm (*lớp trên dày 15cm, lớp dưới dày 15cm*)/ khuôn đường đầm chặt  $K \geq 0,98$ .

+ Cải tạo nâng đường đỏ: Hoàn trả mặt đường láng nhựa 3 lớp, dày 3,5cm ( $TCN 4,5kg/m^2$ )/ móng đá dăm nước dày 30cm (*lớp trên dày 15cm, lớp dưới dày 15cm*)/ khuôn đường đầm chặt  $K \geq 0,98$ .

- Gia cố lề các đoạn tiếp giáp rãnh dọc gia cố, bằng BTXM M250 dày 20cm để đảm bảo khả năng thoát nước; các đoạn bán kính đường cong nhỏ mở rộng gia cố lề kết cấu mặt đường láng nhựa (*kết cấu tương đương đoạn cải tạo, nâng đường đỏ*). Vuốt nối hài hòa đảm bảo êm thuận với mặt đường cũ.

- Cống thoát nước ngang: Tận dụng cạp nổi, sửa chữa, hồ tụ, sân công,... nâng tường đầu bằng BTXM M200 phù hợp với cao độ mặt đường sau sửa chữa. Tải trọng thiết kế H30-XB80, tần suất lũ thiết kế  $P=4\%$ .

- Sửa chữa, gia cố rãnh dọc hình thang kích thước (40x40x120)cm, (60x40x120)cm kết cấu BTXM M200 để đảm bảo chống xói.

- Các vị trí nền đường bị sạt âm: Gia cố tường chắn rọ thép nhồi đá hộc kích thước (2x1x1)m; kích thước (1,5x1x1)m để đảm bảo ổn định nền đường.

#### c) Bổ sung hệ thống an toàn giao thông

- Bổ sung tôn lượn sóng tại các vị trí vực sâu, bán kính đường cong nhỏ, dốc dọc lớn gồm: 6 đoạn/ 1.434m, khoảng cách 2m/cột, móng cột BTXM M200, vị trí tấm đầu, tấm cuối được thiết kế cuốn tròn.

- Bổ sung gương cầu, tiêu phản quang, vạch sơn gờ giảm tốc; sửa chữa, lắp đặt cọc H, cọc tiêu, cột Km, biển báo phù hợp với mặt đường sau khi sửa chữa.

d) *Khối lượng, nội dung chi tiết*: Theo hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thẩm định.

### 5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

- Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư giao thông Sơn La;

- Chủ nhiệm lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Kỹ sư Nguyễn Trung Hiếu.

### 6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm xây dựng: huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- Diện tích đất sử dụng: Trên nền đường cũ và chiếm dụng thêm 0,28 ha.

7. Loại, nhóm dự án: Sửa chữa công trình đường bộ đang khai thác, nhóm C.

### 8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

8.1. Số bước thiết kế: 01 bước (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

8.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- TCVN 4054-2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;

- TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCVN 13567:2022 Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu;
- TCCS 39:2022/TCĐBVN Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông;
- TCCS 40:2022/TCĐBVN Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng thông thường trong xây dựng công trình giao thông;
- TCVN 8863:2011 Mặt đường láng nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9504:2012 Lớp kết cấu áo đường đá dăm nước - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 4447:2012 Công tác đất thi công và nghiệm thu;
- TCVN 5574:2012 Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;
- TCVN 7570:2006 Yêu cầu kỹ thuật cốt liệu cho bê tông và vữa;
- TCVN 1651-1:2008; 1651-2:2008 Thép cốt bê tông;
- TCVN 8817-1:2011 Nhũ tương nhựa đường axit - Phần 1 - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 8818-1:2011 Nhựa đường lỏng - Phần 1 - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 8791:2011 Yêu cầu kỹ thuật về sơn tín hiệu giao thông;
- QCVN 41:2019/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;
- TCCS 14:2016/TCĐBVN Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

**9. Tổng mức đầu tư: 10.500.000.000,0 đồng.**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 9.385.408.000 đồng;
- Chi phí QLDA : 206.411.000 đồng;
- Chi phí tư vấn : 767.218.000 đồng;
- Chi phí khác : 140.331.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 632.000 đồng.

**10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023.**

**11. Nguồn vốn đầu tư:** Ngân sách nhà nước *(theo Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh).*

**12. Hình thức tổ chức quản lý dự án:** Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

**Điều 2.** Sở Giao thông vận tải (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trình duyệt; tổ chức triển khai thực hiện dự án tuân thủ theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo tiến độ thời gian, chất lượng, hiệu quả.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thuận Châu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

***Nơi nhận:***

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Toàn).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Hồng Minh**